

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/DS-ST

Ngày: 19/6/2018.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và ông Lê Phi Hồng .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST-DS ngày 04/01/2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐDS-ST ngày 04/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 – 268 N. K. K. N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D -Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Đoan T- Phó giám đốc phụ trách chi nhánh Ninh Thuận theo văn bản ủy quyền số 2373/2017/GUQ-PL&TT ngày 07/8/2017.

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q-Trưởng phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận theo văn bản ủy quyền số 14/2018/GUQ-CNNT ngày 13/3/2018, (Có mặt)

Bị đơn: ông Đoàn Hữu K, sinh năm: 1969 và bà Huỳnh Thị Hải D, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/01/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) có ký thỏa thuận Hợp đồng tín dụng LD 1502200424 với ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D với số tiền vay 200.000.000^d, lãi suất 11,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng,

lãi trả hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 22/01/2015 ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D có ký Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số 106/TC15 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số BN 952439 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho bà Huỳnh Thị Hải D ngày 08/3/2013.

Ngày 22/01/2016 giữa Ngân hàng và với ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D ký thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/TTSD/LD 1502200424 tái tục lại số tiền vay và thời hạn vay như trên với lãi suất 11% / năm, thời điểm trả hết nợ 22/01/2017; Ngày 05/01/2017 hai bên lại tiếp tục ký thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 02/TTSD/LD 1502200424 tiếp tục tái tục lại số tiền vay và thời hạn vay như trên với lãi suất 10.5%/ năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần, thời điểm trả hết nợ 06/01/2018, tài sản đảm bảo được điều chỉnh theo phụ lục đính kèm là hợp đồng thế chấp tài sản số 106/TC15 đối với quyền sử dụng đất thửa số 426, tờ bản đồ số 03, diện tích 700m² theo Giấy chứng nhận số BN 952439 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho bà Huỳnh Thị Hải D ngày 08/3/2013 .

Sau khi giải ngân, kể từ ngày nhận tiền vay đến nay ông K, bà D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi 8.983.866^d sau đó ông K, bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi hàng tháng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông K bà D vẫn không thanh toán số tiền còn thiếu nên Ngân hàng đã thông báo chấm dứt Hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn. Ngày 07/01/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 19/6/2018 là 227.660.000^d (*Hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*), trong đó: nợ gốc là 200.000.000^d, tiền lãi là 27.660.000^d (lãi trong hạn 12.900.000^d, lãi quá hạn 14.760.000^d).

- Buộc ông K, bà D phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/6/2018 cho đến khi trả xong nợ vay.

- Buộc ông K, bà D phải tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 106/TC15 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 426, tờ bản đồ số 03, diện tích 700m² theo Giấy chứng nhận số BN 952439 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho bà Lê Thị Hải D ngày 08/3/2013 để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp ông K, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “ Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; bị đơn cư trú tại phường H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- Sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình thụ lý giải quyết việc thu thập chứng cứ không do Tòa án tiến hành nên theo quy định tại khoản 2 điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự không có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được Thông báo thụ lý vụ án do bị đơn không có mặt tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn ghi trong giao dịch Hợp đồng tín dụng. Việc bị đơn không có ở địa phương và thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện về nơi cư trú mới theo khoản 3 điều 40, điểm b khoản 2 điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và tổng đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bà D, ông K vẫn vắng mặt không lý do, không có người đại diện tham gia tố tụng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Theo hợp đồng tín dụng số LD 1502200424 ngày 22/01/2015, thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/TTSD/LD 1502200424 ngày 22/01/2016 và số 02/TTSD/LD 1502200424 ngày 06/01/2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Đoàn Hữu K và bà Huỳnh Thị Hải D đã được Ngân hàng cấp tín dụng với số tiền vay 200.000.000^d, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần (bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 4%/ năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông K, bà D có ký giấy xác nhận nợ với Ngân hàng đã nhận khoản tiền vay 200.000.000^d vào các ngày 23/01/2015, 27/01/2016, 06/01/2017 chứng tỏ cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông K, bà D vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng nên Ngân hàng đã Thông báo chấm dứt Hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn, ngày 07/01/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn. Việc ông K, bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm điều 9, 11 của Hợp đồng tín dụng. Đồng thời, theo quy định tại điều 2 của Phụ lục hợp

đồng tín dụng được 2 bên ký kết thì “ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng được chấm dứt hợp đồng, áp dụng lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) đối với toàn bộ dư nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại điều 3 và điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Mặc khác, bị đơn ông K, bà D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xem như mặc nhiên đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh nên theo quy định tại điều 91, khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 19/6/2018 là 227.660.000^d (Hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó: nợ gốc là 200.000.000^d, nợ lãi là 27.660.000^d (gồm lãi trong hạn 12.900.000^d, lãi quá hạn 14.760.000^d) và thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 20/6/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có căn cứ phù hợp điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; điều 3, 91 luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận.

- Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 106/TC15 ngày 22/01/2015 được ký kết giữa ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 426, tờ bản đồ số 03, diện tích 700m² theo Giấy chứng nhận số BN 952439 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho bà Huỳnh Thị Hải D ngày 08/3/2013, được công chứng và đăng ký thế chấp tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nội dung thỏa thuận nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn, tiền bị phạt chậm trả lãi, phí, các chi phí phát sinh và các khoản phải trả khác được quy định trong Hợp đồng tín dụng số LD 1502200424 ngày 22/01/2015, thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/TTSD/LD 1502200424 ngày 22/01/2016 và số 02/TTSD/LD 1502200424 ngày 06/01/2017 nên việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 106/TC15 ngày 22/01/2015 để đảm bảo cho việc thi hành án là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 91; điều 92; điều 147; khoản 2 điều 184; khoản 2 điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các điều, 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 3, 91 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn là ông Đoàn Hữu K và bà Huỳnh Thị Hải D

- Buộc ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ vay tính đến ngày 19/6/2018 là 227.660.000^d (*Hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*), trong đó: nợ gốc là 200.000.000^d, nợ lãi là 27.660.000^d (gồm lãi trong hạn 12.900.000^d, lãi quá hạn 14.760.000^d).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 20/6/2018 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và thỏa thuận sửa đổi bổ sung cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 106/TC15 ngày 22/01/2015 được ký kết giữa ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp ông K, bà D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 426, tờ bản đồ số 03, diện tích 700m² theo Giấy chứng nhận số BN 952439 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho bà Huỳnh Thị Hải D ngày 08/3/2013 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Về án phí: ông Đoàn Hữu K, bà Huỳnh Thị Hải D phải chịu 11.383.000^d (*Mười một triệu ba trăm tám mươi ba ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 5.233.000^d (*Năm triệu hai trăm ba mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0015116 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2018); riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tỉnh, Thành phố;
- Chi cục THADS Thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Liên

Nguyễn Lê Anh Thư

Lê Hưng Dũng

